

Số: 258 /BC- UBND

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Bộ Tài nguyên và Môi trường về góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh
và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện Văn bản số 2846/BTC-QLN ngày 21/3/2024 của Bộ Tài chính;
Văn bản số 2149/BKHĐT-KTĐN ngày 25/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và
Văn bản số 1860/BTNMT-KHTC ngày 26/3/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi
trường về việc góp ý báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở,
ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Kạn vay vốn AFD.

UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan và UBND thành
phố Bắc Kạn nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ tại các Văn bản nêu
trên. Trên cơ sở ý kiến của các Sở: Văn bản của Sở Tài chính số 690a/STC-ĐT
ngày 12/4/2024; Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 121/BC-KH&ĐT ngày
12/4/2024; Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường số 1011A/STNMT-ĐĐ
ngày 12/4/2024; UBND tỉnh đã chỉ đạo hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương
đầu tư dự án Kè khắc phục sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và
phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn.

*(Có Biểu tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến của Bộ Tài chính; Bộ Kế
hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo)./.*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&ĐT, TC,
NN&PTNT, TN&MT;
- UBND thành phố Bắc Kạn;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GTCNXD (Hiên).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Quang Tuyên

**BIỂU TỔNG HỢP TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA
BỘ TÀI CHÍNH, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ BỘ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 12/4/2024
của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
I. Ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 2846/BTC-QLN ngày 21/3/2024		
1	Nội dung về hạn mức vay của tỉnh Bắc Kạn: (tại ý a, mục 2)	
	- Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015, hạn mức dư nợ vay của tỉnh Bắc Kạn năm 2024 là 170,3 tỷ đồng. Mức vay tối đa trong năm 2024 của Tỉnh là 28,9 tỷ đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại (trong đó vay để trả nợ gốc là 26,1 tỷ đồng, bội chi ngân sách địa phương là 2,8 tỷ đồng). Dư nợ dự kiến của Tỉnh đến 31/12/2024 là 131,4 tỷ đồng. Như vậy, hạn mức dư nợ còn lại của Tỉnh là 38,9 tỷ đồng. - Hiện nay UBND tỉnh Bắc Kạn đang dự kiến triển khai thêm 02 dự án vay vốn nước ngoài trong vòng 04 năm tới (bao gồm dự án này sẽ vay lại 49,2 tỷ đồng và dự án Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho sản xuất của đồng bào miền núi và trung du phía Bắc vay JICA sẽ vay lại 65,6 tỷ đồng, dự kiến tổng mức vay lại là 114,8 tỷ đồng). Vì vậy, đề nghị tỉnh Bắc Kạn rà soát, tính toán kỹ khả năng, lộ trình triển khai các dự án, từ đó xem xét việc vay vốn nước ngoài Dự án tại thời điểm hiện nay. Trường hợp Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai trong năm 2024 thì tổng mức vay của Dự án phải nằm trong tổng mức vay và bội chi được Quốc hội cho phép.	- Ý kiến giải trình: Năm 2024 hạn mức dư nợ vay của tỉnh Bắc Kạn là 170.340 triệu đồng (851.700 triệu đồng x20%). Dự toán vay năm 2024 của Tỉnh là 28.900 triệu đồng (trong đó, vay để trả nợ gốc là 26.100 triệu đồng, bội chi ngân sách địa phương là 2.800 triệu đồng), dự kiến dư nợ hết năm 2024 của tỉnh là 131.112 triệu đồng bằng 76,97% hạn mức vay cho phép theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Trong giai đoạn 2024-2028, trên cơ sở tiến độ thực hiện, thời hạn giải ngân theo Hiệp định của các dự án đang triển khai và dự kiến nhu cầu rút vốn đối với 02 dự án dự kiến triển khai mới¹. Tỉnh Bắc Kạn sẽ tính toán, cân đối số trả nợ gốc đúng hạn, trước hạn để đảm bảo còn dư địa vay để triển khai thực hiện Dự án Kè khắc phục sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn (vay vốn cơ quan phát triển Pháp AFD) và đề xuất tham gia các dự án mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và dư địa vay của tỉnh luôn nằm trong hạn mức cho phép theo quy

¹ (1) Dự án Kè khắc phục sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn (vay vốn cơ quan phát triển Pháp AFD); (2) Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn (vay vốn JICA)

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		định của Luật ngân sách Nhà nước. Do vậy, khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai trong năm 2024 mức vay của dự án đã nằm trong tổng mức vay và bội chi ngân sách của tỉnh được Quốc hội cho phép. <i>(Chi tiết theo Bảng số 01 gửi kèm)</i>
2	Nội dung về phương án vay trả nợ của tỉnh: <i>(tại ý b mục 2)</i>	
	- Điều kiện vay AFD thông báo áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2024 tại Thư số D2024-90/HP ngày 06/03/2024 như sau: (i) Lãi suất vay: Euribor 6 tháng (mức lãi suất Euribor 6 tháng vào ngày 28/02/2024 là 2,78%/năm) +0,25%/năm (ii) Thời hạn vay: 20 năm (bao gồm 07 năm ân hạn); Phí thẩm cứu: 0,4% trị giá khoản vay, phí cam kết: 0,35% trị giá chưa rút vốn. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn cập nhật lại điều kiện vay AFD tại Phụ lục 3 – Phương án trả nợ khoản vay lại để Bộ Tài chính có cơ sở góp ý về khả năng vay lại của Tỉnh.	Tiếp thu ý kiến, UBND tỉnh Bắc Kạn đã cập nhật lại điều kiện vay AFD thông báo áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2024 tại Thư số D2024-90/HP ngày 06/3/2024 tại Phụ lục số 02 - Phương án trả nợ khoản vay của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. <i>(Cụ thể tại Bảng số 02 gửi kèm: Bảng nghĩa vụ trả nợ của tỉnh Bắc Kạn đối với khoản vay lại của dự án gửi kèm)</i>
3	Nội dung về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh Bắc Kạn <i>(tại mục 3)</i>	
	- Hiện nay, Dự án nêu trên của tỉnh Bắc Kạn chưa có trong danh mục Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (được giao theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội). Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền về việc giao kế hoạch trung hạn và hàng năm cho Dự án sau khi đã hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định. - Về nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2026 – 2030: Hiện chưa có chủ trương về nguồn vốn. Tuy nhiên, dự kiến thời	Tiếp thu ý kiến, khi thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định, UBND tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền về việc giao kế hoạch trung hạn và hàng năm cho dự án. Về nguồn vốn: Theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thì thời gian thực hiện dự án từ năm 2025-2027 qua 02 kỳ trung hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công ngày 16/3/2019: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	gian thực hiện Dự án là từ 2024 – 2027 (02 kỳ trung hạn). Do vậy, đề nghị địa phương rà soát đảm bảo theo quy định tại Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành khác có liên quan.	phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó”, tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, trong đó UBND tỉnh Bắc Kạn được phân vốn tổng số vốn cân đối ngân sách địa phương là 2.256.400 triệu đồng. Như vậy, 20% tổng số vốn cân đối ngân sách địa phương của tỉnh giai đoạn 2021-2025 tương đương 451.280 triệu đồng. Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án theo đề xuất của UBND thành phố Bắc Kạn nằm trong hạn mức phê duyệt đề xuất Dự án tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ và nằm trong hạn mức quy định, không vượt quá 20% tổng số vốn cân đối ngân sách địa phương của tỉnh giai đoạn giai đoạn 2021-2025 (Chi tiết tại Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 110/BC-SKHĐT ngày 08/4/2024)
4	Nội dung về sự phù hợp với quy hoạch (tại mục 4)	
	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất Dự án và quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn làm rõ sự phù hợp của Dự án này với quy hoạch tỉnh Bắc Kạn và các quy hoạch có liên quan.	- Dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023. Trong đó nội dung về quy hoạch 02 đập dâng trên sông Cầu thuộc dự án đã được thể hiện tại mục II.1 phần A phụ lục VII (phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước tỉnh

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) ban hành kèm theo Quyết định. - Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Bắc Kạn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/7/202.
5	Về quy định mua sắm, đấu thầu từ nguồn vốn vay (<i>gạch đầu dòng thứ nhất mục 5</i>)	
	Theo quy định của Hướng dẫn mua sắm của AFD, về nguyên tắc, các gói thầu sử dụng vốn tài trợ của AFD trị giá trên 5 triệu EUR (đối với gói thầu xây lắp) hoặc trên 200.000 EUR (đối với gói thầu tư vấn) sẽ phải sử dụng phương thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế để lựa chọn nhà thầu. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn rà soát kế hoạch thực hiện Dự án, phối hợp trao đổi với AFD để xác định phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của AFD cũng như các quy định pháp luật của Việt Nam về đấu thầu.	Tiếp thu ý kiến, trong quá trình thực hiện dự án UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ rà soát kế hoạch, phối hợp trao đổi với AFD để xác định phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của AFD cũng như các quy định pháp luật của Việt Nam về đấu thầu.
6	Đối với chi phí dự phòng của Dự án(<i>gạch đầu dòng thứ hai mục 5</i>)	
	Đề nghị nêu rõ chi phí này được sử dụng cho hạng mục nào, không sử dụng vốn vay cho mục dự phòng mà không có mục đích chi cụ thể.	Ý kiến giải trình: Đối với phần vốn vay của AFD: Bố trí chi phí dự phòng cho các nội dung công việc phát sinh về khối lượng, trượt giá cho phần chi phí xây dựng và thiết bị của dự án. Đối với phần vốn viện trợ không hoàn lại: Không bố trí chi phí dự phòng. Đối với phần vốn đối ứng: Bố trí chi phí dự phòng cho toàn bộ các hạng mục công việc sử dụng vốn đối ứng: GPMB; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác, chi phí QLDA. (Cụ thể đã thuyết minh tại mục 2.6.1. Dự kiến tổng mức đầu tư của

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		<i>Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư).</i>
7	Liên quan đến khoản ODA không hoàn lại tài trợ cho Dự án(<i>gạch đầu dòng thứ ba mục 5</i>)	
	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn phối hợp với AFD rà soát các hoạt động cụ thể dự kiến sử dụng khoản tài trợ này; chịu trách nhiệm và đảm bảo các hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành, tài trợ cho các hoạt động trong khuôn khổ Dự án, có tính khả thi, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhằm sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ không hoàn lại.	Tiếp thu ý kiến, trong quá trình thực hiện triển khai dự án UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ phối hợp với AFD rà soát các hoạt động cụ thể để sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại một cách hiệu quả nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật Việt Nam và nhà tài trợ.
8	Về tổng mức đầu tư (<i>gạch đầu dòng thứ tư mục 5</i>)	
	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn tính toán, rà soát tổng mức đầu tư đảm bảo phù hợp với quy định về chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2023 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; đảm bảo trình tự, thủ tục thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công, pháp luật xây dựng và quy định pháp luật có liên quan.	Ý kiến giải trình: Đối với các chi phí trong tổng mức đầu tư UBND tỉnh Bắc Kạn đã tính toán, rà soát tổng mức đầu tư đảm bảo phù hợp với quy định về chi phí đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công, pháp luật xây dựng và quy định pháp luật có liên quan. (<i>Cụ thể tại Phụ lục số 01 trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.: Khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư</i>)
9	Về sự cần thiết đầu tư: (<i>gạch đầu dòng thứ năm mục 5</i>)	
	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn có bổ sung vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đánh giá các dự án đã và đang thực hiện có liên quan đến thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, tránh sự trùng lặp, gây lãng phí nguồn lực, đồng thời thực hiện việc khảo sát, học hỏi bài học kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố khác đã thực hiện các dự án	UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp thu ý kiến và bổ sung vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đánh giá các dự án đã và đang thực hiện có liên quan đến thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. (<i>Cụ thể bổ sung tại mục 2.2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có</i>

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	về thích ứng biến đổi khí hậu để đưa ra phạm vi, mục tiêu thực hiện và phương án tối ưu thực hiện dự án đảm bảo hiệu quả khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.	liên quan trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư). Qua rà soát, tất cả các hạng mục của dự án theo đề xuất trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư không bị trùng lặp với dự án nào khác đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đồng thời trong quá trình lập và hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư UBND tỉnh Bắc Kạn cũng đã liên hệ học tập kinh nghiệm của một số địa phương đã thực hiện các dự án về thích ứng biến đổi khí hậu (như tỉnh Điện Biên).
10	Nội dung khác: (gạch đầu dòng thứ sáu mục 5)	
	Theo quy định của khoản 2 Điều 6 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/08/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài chỉ được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn lưu ý rà soát để thực hiện đúng quy định này.	UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp thu ý kiến, cụ thể tại bảng tổng mức đầu tư nguồn vốn vay ODA chỉ sử dụng cho chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế thuộc chi đầu tư phát triển. Đồng thời trong quá trình thực hiện dự án UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ rà soát và thực hiện đúng quy định.
II. Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2149/BKHĐT-KTĐN ngày 25/3/2024		
1	Nội dung về sự cần thiết đầu tư: (tại ý a, mục 1) Phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh vùng Trung du miền núi phía Bắc (trong đó có Bắc Kạn) là mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định tại Nghị quyết số 11-NQ-TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, trong đó việc huy động, vận động các nguồn lực trong và ngoài ngân sách để thực hiện mục tiêu phát triển xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện mục tiêu đã được Đảng, Chính phủ đề ra. Vì vậy, đề nghị	Tiếp thu ý kiến nêu trên và bổ sung vào Mục 2.1.1 - Sự cần thiết đầu tư trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể: Phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng an ninh vùng Trung du miền núi phía Bắc (trong đó có Bắc Kạn) là mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định tại Nghị quyết số 11-NQ-TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, trong đó việc huy động, vận động các nguồn lực trong và ngoài ngân sách để thực hiện mục tiêu phát triển xanh, bền vững, thích ứng với

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	nghiên cứu nội dung này để bổ sung thêm vào mục sư cần thiết của Dự án, đồng thời xem xét đánh giá sâu hơn về tác động, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong phạm vi địa bàn thực hiện dự án	biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện mục tiêu đã được Đảng, Chính phủ đề ra. Bắc Kạn là tỉnh miền núi, có địa hình chia cắt phức tạp, có độ dốc lớn, là vùng đầu nguồn của dòng Sông Cầu với sự hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu, chịu sự chi phối và ảnh hưởng lớn từ việc biến đổi khí hậu. Trên dòng sông Cầu đoạn qua thành phố Bắc Kạn là nơi tiếp nhận nguồn nước xả ra từ Suối Nông Thượng, Suối Pá Danh và một số con suối khác. Đoạn suối Nông Thượng đổ ra Sông Cầu với tổng chiều dài khoảng 7,2km hiện trạng suối cơ bản là bờ đất chưa có kè kiên cố; đoạn suối Pá Danh đổ ra Sông Cầu với tổng chiều dài khoảng 5,4 km hiện trạng suối cơ bản là bờ đất chưa có kè kiên cố. Mặt cắt ngang lòng suối nhỏ, bùn đất bồi lắng, thu nhỏ dòng chảy dẫn đến vào mùa mưa lũ suối không đảm bảo khả năng tiêu nước gây ra ngập lụt, ảnh hưởng lớn đến cây cối hoa màu và đời sống của người dân khu vực suối chảy qua. Một số đoàn trên suối Nông Thượng thường xuyên bị ngập lụt ảnh hưởng đến việc canh tác lúa, hoa màu của hơn 200 hộ dân sinh sống trong khu vực và nước thải của hơn 500 hộ gia đình chưa được thu gom xử lý ảnh hưởng đến môi trường và đời sống nhân dân quanh khu vực. Một số đoạn suối Pá Danh bị thu hẹp cục bộ, vào mùa mưa thường xuyên gây ngập úng khu vực sản xuất nông nghiệp và gây xói lở hai bên bờ suối. Hiện tại, nước thải của hơn 1.000 hộ gia đình sống hai bên bờ suối và thượng nguồn chưa được thu gom về nhà máy xử lý gây ô nhiễm môi trường.
2	Nội dung về sự phù hợp với quy hoạch: (tại ý b, mục 1) Rà soát bổ sung các nội dung liên quan đến Quy hoạch mang tính	Tiếp thu ý kiến nêu trên và bổ sung vào Mục 2.1.3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	chất kỹ thuật chuyên ngành như: Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg; Nghị quyết số 148/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Ngoài ra, đề nghị rà soát các quy hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đối chiếu, làm rõ sự phù hợp với Dự án.	quy định của pháp luật về quy hoạch và kế hoạch đầu tư trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể: - <i>Ở cấp quốc gia:</i> Dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đặt ra trong kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được ban hành theo quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với các kế hoạch và quy hoạch phát triển đô thị của Chính phủ hướng đến đô thị xanh, đô thị phát triển bền vững trong bối cảnh ứng phó với BĐKH như: Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Việc triển khai dự án sẽ đồng thời thực hiện nhiệm vụ số 18 “Thực hiện các dự án Nâng cấp và phát triển đô thị tại các đô thị được cảnh báo rủi ro cao bởi tác động của biến đổi khí hậu” thuộc Chương trình 5, Quyết định số 2623/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020; phù hợp với Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg; Nghị quyết số 148/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - <i>Ở cấp vùng</i>: Dự án phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển vùng trung du và miền núi Bắc Bộ theo Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030. - <i>Ở cấp tỉnh</i>: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Bắc Kạn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/7/2021.
3	Nội dung về quy mô đầu tư: (tại ý c, mục 1) Hợp phần 2 (Hợp phần phi công trình) thuyết minh còn sơ sài, chưa xác định chi tiết nội dung công việc cần thực hiện theo yêu cầu. Vì vậy, đề nghị làm rõ các hạng mục công việc dự kiến triển khai, làm cơ sở để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án.	Tiếp thu ý kiến. Trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ phối hợp với AFD rà soát, xác định chi tiết nội dung công việc cần thực hiện theo yêu cầu, làm rõ các hạng mục công việc dự kiến triển khai nhằm sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ không hoàn lại, đảm bảo đúng quy định hiện hành, làm cơ sở để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án.
4	Nội dung về tổng mức đầu tư: (tại ý d, mục 1) Tại dự thảo Báo cáo, tổng mức đầu tư (TMĐT), vốn vay AFD và vốn đối ứng giảm so với hạn mức đã được phê duyệt tại Quyết định 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, đề nghị rà soát, có giải trình về những thay đổi hạn mức nêu trên để làm căn cứ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Theo thuyết minh trong dự thảo Báo cáo, sơ bộ TMĐT Dự án được tính toán theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD	- Ban đầu, do cập nhật lại tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, không tăng vốn vay ODA, không phải điều chỉnh Đề xuất dự án nên điều chỉnh giảm vốn vay ODA và vốn đối ứng so với hạn mức được phê duyệt tại Quyết định 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, rà soát phối hợp với một số Bộ ngành, AFD, UBND tỉnh Bắc Kạn đã cập nhật lại tổng mức đầu tư dự án theo giá trị hạn mức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định nêu trên. Cụ thể: Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng và các quy định có liên quan. Các thành phần chi phí chính của sơ bộ TMĐT Dự án trong dự thảo Báo cáo về cơ bản phù hợp với các quy định nêu trên. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý tính toán sơ bộ TMĐT dự án (gồm: Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng) và các bản vẽ thiết kế xác định phạm vi, khối lượng (theo quy định), bảng khái toán kèm theo Phụ lục số 01 trong dự thảo Báo cáo để có cơ sở rà soát việc tính toán sơ bộ TMĐT Dự án, bảo đảm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.	685.142 triệu đồng, tương đương 25,158 triệu Euro, trong đó vốn vay AFD: 18,076 triệu Euro, tương đương 492.272 triệu đồng; vốn viện trợ không hoàn lại: 1,5 triệu Euro, tương đương 40.851 triệu đồng; vốn đối ứng: 152.019 triệu đồng, tương đương 5,582 triệu Euro. - Tiếp thu ý kiến bổ sung căn cứ pháp lý tính toán sơ bộ TMĐT Dự án (gồm: Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng) và các bản vẽ thiết kế xác định phạm vi, khối lượng (theo quy định), bảng khái toán sơ bộ TMĐT theo Phụ lục số 01 trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
5	Nội dung về nguồn vốn để thực hiện (tại khoản (i) ý e, mục 1) “<i>Các công việc chuẩn bị, thực hiện đầu tư và quản lý dự án</i>” là các chi phí cấu thành kinh phí để triển khai Hợp phần 1, không thuộc cơ cấu nguồn vốn của Hợp phần 2 (Đây là các chi phí gián tiếp cấu thành từ đơn giá, định mức để đầu tư xây dựng công trình thuộc Hợp phần 1). Vì vậy, đề nghị rà soát, tính toán lại và chuyển các chi phí này với Hợp phần 1.	Tiếp thu ý kiến; UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉnh sửa Phụ lục số 01 - Khái toán sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
6	Nội dung về vốn đối ứng: (tại khoản (ii) ý e, mục 1) Đề nghị rà soát, bổ sung thuyết minh đảm bảo khả năng cân đối vốn đối ứng cho Dự án theo đúng nguyên tắc, quy định hiện hành và đã được nêu tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến và bổ sung thuyết minh khả năng cân đối vốn đối ứng cho dự án đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định hiện hành và đã được nêu tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể tại mục 2.6.2. Cơ chế tài chính đối với vốn đối ứng trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Vốn đối ứng 152.019 triệu đồng, tương đương 5,582 triệu Euro, tương đương 6,567 triệu USD (chiếm 22,19% tổng mức đầu tư). Nguồn vốn đối ứng sẽ sử dụng

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		50% vốn ngân sách tỉnh Bắc Kạn và 50% sẽ sử dụng vốn ngân sách thành phố Bắc Kạn.
7	Nội dung về đối với số vốn dự phòng 10% Hợp phần 2: (tại khoản (iii) ý e, mục 1) Hợp phần 2 là Hợp phần phi công trình, vì vậy dự toán có phần kinh phí dự phòng là không hợp lý, đề nghị nêu rõ cơ sở tính toán (căn cứ pháp lý xác định giá trị dự phòng) những nội dung công việc cần nguồn vốn dự phòng.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, kiểm tra và tính toán lại trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Đối với phần vốn vay của AFD: Bố trí chi phí dự phòng cho các nội dung công việc phát sinh về khối lượng, trượt giá cho phần chi phí xây dựng và thiết bị của dự án. Đối với phần vốn viện trợ không hoàn lại: Không bố trí chi phí dự phòng. Đối với phần vốn đối ứng: Bố trí chi phí dự phòng cho toàn bộ các hạng mục công việc sử dụng vốn đối ứng: GPMB; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác, chi phí QLDA.
8	Nội dung: Rà soát số vốn nước ngoài đã giao cho tỉnh Bắc Kạn trong giai đoạn 2021-2025 (tại khoản (iv) ý e, mục 1), bổ sung phương án dự kiến điều chuyển vốn nước ngoài vào dự thảo Báo cáo (bao gồm đánh giá tính khả thi về nguồn vốn, dự kiến chi tiết phương án điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án hiện đang sử dụng vốn nước ngoài của tỉnh Bắc Kạn để bổ sung cho Dự án “Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp”).	Tiếp thu ý kiến, trong quá trình thực hiện dự án UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ rà soát số vốn nước ngoài đã giao cho tỉnh Bắc Kạn trong giai đoạn 2021-2025, bổ sung phương án dự kiến điều chuyển vốn nước ngoài trong quá trình triển khai thực hiện dự án.
9	Nội dung về thời gian thực hiện: (tại ý g, mục 1) Việc xác định thời gian thực hiện Dự án cần căn cứ các yếu tố: Tiến độ chuẩn bị hồ sơ (Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo FS,...) và thời điểm ký các Thỏa ước với Nhà tài trợ; thời gian hoàn thành việc báo cáo, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền (Chính phủ, Quốc hội) về điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án, nguồn vốn (vốn nước ngoài, vốn trong nước), mức vốn vào Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 cho Dự án,... . Hiện tại, Dự án đang trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư. Vì vậy, đề nghị rà soát, cân nhắc kỹ các yếu tố nêu trên để xác định thời gian	Dự án có thuận lợi về mặt bằng thi công, không phải GPMB nhiều nên trong quá trình thực hiện có thể sẽ đẩy nhanh tiến độ. Sẽ tham mưu chỉ đạo sát sao các đơn vị được giao nhiệm vụ, có kế hoạch thực hiện từng giai đoạn để dự án được triển khai đúng theo thời gian đề xuất trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Nội dung Dự án được xác định trong 02 kỳ trung hạn (giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030) đã rà soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công năm 2019.

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	thực hiện Dự án cho phù hợp, tránh phải điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ Dự án. Trường hợp thời gian dự kiến thực hiện Dự án được xác định trong 02 kỳ trung hạn (giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030), đề nghị lưu ý tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công năm 2019.	
11	Nội dung về vận hành, duy tu và bảo dưỡng: (tại ý h, mục 1) Dự thảo Báo cáo chưa thuyết minh, đề cập đến vấn đề vận hành, duy tu và bảo dưỡng công trình sau khi được đầu tư. Để đảm bảo hiệu quả đầu tư và tính bền vững của công trình, đặc biệt tại địa bàn chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai như đã dẫn chiếu, phân tích trong dự thảo Báo cáo, đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương án và tính toán sơ bộ chi phí vận hành, duy tu và bảo dưỡng công trình sau khi Dự án hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng.	Tiếp thu ý kiến, UBND tỉnh Bắc Kạn đã bổ sung vào Mục 2.9.3. Xác định sơ bộ chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể: Chi phí duy tu bảo dưỡng công trình, quản lý vận hành của công trình sau khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Sau khi dự án hoàn thành sẽ được bàn giao cho cơ quan quản lý để vận hành khai thác. Công tác duy tu, bảo dưỡng được tiến hành hàng năm theo định kỳ. Chi phí so bộ vận hành, duy tu và bảo dưỡng công trình sau khi Dự án hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng khoảng 13.462 triệu đồng.
III. Ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1860/BTNMT-KHTC ngày 26/3/2024		
1	Nội dung: (tại mục 1) Dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2024 với diện tích chiếm đất khoảng 14 ha (trong đó diện tích chiếm đất vĩnh viễn khoảng 2,5 ha và diện tích sử dụng tạm thời khoảng 1 ha). Cần bổ sung, làm rõ sự phù hợp với Danh mục dự án phòng chống thiên tai tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng hình phủ phê	Ý kiến giải trình: Trong quy hoạch tỉnh Bắc Kạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023: Tại mục VI - Dự án phòng chống thiên tai, Phụ lục XXII Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ</i>) có mục: Dự án “Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp” – Tiểu dự án tỉnh

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	duyet Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bắc Kạn. Như vậy dự án Kè khắc phục sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định nêu trên. Đối với diện tích đất chiếm dụng, sau khi rà soát lại thì diện tích đất chiếm dụng của dự án khoảng 23,8 ha phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030 (Tại mục 2.8, phụ lục XII ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ diện tích đất thủy lợi quy hoạch đến 2030 còn 696 ha).
2	Nội dung: (gạch đầu dòng thứ nhất mục 2) Để có cơ sở thực hiện, dự án cần rà soát, làm rõ hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án; việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và những vấn đề liên quan đến đất đai phải thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật khác có liên quan. Việc triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.	UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa hoàn thiện trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể: Đã làm rõ hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất với tổng diện tích dự kiến sử dụng đất là 23,8 ha, bao gồm các loại đất: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất, đất khác (như đất giao thông, đất sông suối...) được thể hiện tại điểm b mục 2.10.1 (trang 18) của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Đồng thời đã dự kiến các loại đất cần thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất gửi kèm hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư. Việc triển khai thực hiện dự án bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.
3	Nội dung: (gạch đầu dòng thứ hai mục 2) Đề nghị thuyết minh rõ vị trí, quy mô, phương án thực hiện đối với từng hoạt động có liên quan đến tài nguyên nước của Dự án (2,8 km kè, chỉnh trị các sông, xây dựng 02 đập dâng). Đồng thời, rà soát, đánh giá đầy đủ các tác động đến sự ổn định của bờ sông; bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi sông; lưu thông dòng chảy trên sông; khả năng tiêu, thoát lũ và chức năng của nguồn nước. Riêng đối với hoạt động xây dựng 02 đập dâng trên sông Cầu, cần làm rõ sự phù hợp với 2 quy hoạch, thuyết minh rõ vị trí (theo tọa độ, đơn vị hành chính), quy mô, kích thước, chế độ khai thác sử dụng nước, hạng mục xả dòng chảy tối thiểu. Đồng thời, đánh giá tác động đến nguồn nước (suy giảm dòng chảy về hạ du; lưu thông dòng chảy trên sông; khả năng tiêu, thoát lũ), môi trường nước và các hoạt động khai thác, sử dụng nước khu vực thượng, hạ du công trình; đề xuất biện pháp duy trì dòng chảy tối thiểu hạ lưu hồ chứa, đập dâng và kiến nghị đơn vị được giao quản lý, vận hành 02 đập dâng nêu trên. Các hoạt động liên của dự án liên quan đến tài nguyên nước cần phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 20 của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Trường hợp được chấp thuận, trong quá trình triển khai thực hiện cần có các giải pháp đảm bảo sự lưu thông của dòng chảy; phòng, chống nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước theo quy định tại Điều 25, Điều 32 của Luật Tài nguyên nước. Đồng thời, tuân theo các quy định	Ý kiến giải trình: Trong quy hoạch tỉnh Bắc Kạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023: Tại mục II - Dự án đề xuất mới, Phụ lục VII Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ</i>) có mục: Xây dựng mới đập dâng (đập dâng số 1 tại vị trí hạ lưu cầu Dương Quang, đập dâng số 2 tại vị trí hạ lưu cầu Huyền Tung) trên sông Cầu. Do vậy, 02 đập dâng này phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối với các ý kiến khác thuộc nội dung này UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp thu và sẽ rà soát, triển khai trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	về bảo vệ lòng bờ bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020; hành lang bảo vệ nguồn nước tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015. Hiện nay, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV ngày 27 tháng 11 năm 2023, trong đó có quy định chi tiết đối với các nội dung nêu trên. Vì vậy, đề nghị chủ dự án nghiên cứu, điều chỉnh để đảm bảo đúng quy định.	
4	Nội dung: (gạch đầu dòng thứ ba mục 2) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Dự án chưa tuân thủ cấu trúc và nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị bổ sung các nội dung sau: + Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với hiện lực bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan; + Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án; + Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm (nếu có); + Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; + Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường. Lưu ý nhận diện và dự báo đầy đủ, chi tiết các tác động đến môi trường của dự	Ý kiến giải trình: Căn cứ theo quy định tại khoản 1, điều 29 Luật Bảo vệ môi trường, đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường là dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 như sau: Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, bao gồm: (a) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn; dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; (b) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; (c) Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển với quy mô lớn hoặc với quy mô trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; (d) Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất lớn hoặc với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; (đ) Dự án có

STT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	án đầu tư (nội dung chủ yếu gồm: Xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ sông Cầu, bờ suối Nông Thượng và suối Pá Danh; xây dựng 02 đập dâng trên sông; cải tạo, chỉnh trang lòng sông Cầu, cải tạo hệ thống thoát nước mặt và xây dựng hệ thống thu gom nước thải trên lưu vực suối Nông Thượng) để có thể đưa ra các biện pháp cụ thể, phù hợp nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và tiến hành các hồ sơ, thủ tục môi trường khác của dự án.	yêu cầu chuyên mục đích sử dụng đất quy mô trung bình trở lên nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; (e) Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô lớn. Đối chiếu với quy định nêu trên thì dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn không thuộc đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường. UBND tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện các thủ tục liên quan đến các quy định về Luật bảo vệ môi trường trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi.
5	Nội dung: (gạch đầu dòng thứ tư mục 2) Mục Biến đổi khí hậu và những tác động đến Việt Nam: Đề nghị cân nhắc bỏ mục này. Lý do: (i) nội dung quá dàn trải khi đánh giá cho toàn quốc, không tập trung vào khu vực đề xuất dự án; (ii) số liệu sử dụng để đánh giá chưa được cập nhật (mới chỉ dùng chuỗi số liệu đến năm 2014). Mục Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Bắc Kạn: Đề nghị sử dụng phương pháp luận đã thực hiện khi xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh (được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 12/10/2020) và Đánh giá khí hậu tỉnh (được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 01/9/2020); đồng thời cập nhật các thông tin, dữ liệu tại Kịch bản biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, công bố năm 2020.	UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa hoàn thiện trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Cụ thể đã bỏ Mục Biến đổi khí hậu và những tác động đến Việt Nam và bổ sung chỉnh sửa phương pháp luận tại mục 2.1.1 sự cần thiết đầu tư

**BẢNG SỐ 01: DỰ BÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA TỈNH BẮC KẠN
GIAI ĐOẠN 2024-2028**

*(Kèm theo Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 12/4/2024
của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	Hạn mức theo Luật NSNN năm 2015	Dự báo tình hình vay, trả nợ giai đoạn 2024-2028							So sánh định mức quy định (số dư địa được phép vay còn lại)
			Dư nợ đầu năm	Trả nợ gốc (đã bao gồm số trả nợ gốc trước hạn)	Vay mới các dự án đã ký hiệp định	Vay mới thực hiện 02 dự án đề xuất vay vốn JIKA, AFD	Trong đó:		Dự kiến dư nợ cuối năm	
							Vay cho DA AFD	Vay cho DA JIKA		
1	2	3=2*20%	4	5	6	7			8=4-5+6+7	9=3-8
2023	851.100	170.220							128.312	41.908
2024	851.700	170.340	128.312	26.100	19.055	9.845	-	9.845	131.112	39.228
2025	894.285	178.857	131.112	10.366	-	26.762	24.614	2.148	147.508	31.349
2026	938.999	187.800	147.508	9.548	-	35.458	17.230	18.228	173.418	14.382
2027	985.949	197.190	173.418	9.548	-	28.273	7.384	20.889	192.144	5.046
2028	1.035.247	207.049	192.144	9.548	-	14.489		14.489	197.085	9.964

**BẢNG SỐ 02: BẢNG NGHĨA VỤ TRẢ NỢ CỦA TỈNH BẮC KẠN ĐỐI VỚI KHOẢN VAY LẠI CỦA DỰ ÁN
KÈ CHỐNG SẠT LỞ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, BẢO VỆ DÂN SINH VÀ PHỤC VỤ
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN**
(Kèm theo Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 12/4/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: EUR

Năm	Kỳ trả nợ	Giai đoạn	Số ngày	Giải ngân	Dư nợ	Trả nợ gốc	Lãi suất	Trả nợ gốc	Trả lãi	Phí thẩm cứu	Phí cam kết	Phí quản lý cho vay lại	Tổng nợ phải trả	Tổng lãi phải trả theo năm	Tổng nợ phải trả theo năm	Quy đổi sang Triệu VNĐ
2024	1	0	182	0	0	0,00%	3,03%		-	72.303	63.265	-	135.567	135.567	135.567	3.692
	2	0,5	184		0	0,00%	3,03%		-				-			
2025	3	1	181	903.783	903.783	0,00%	3,03%		13.580		63.265	22.595	99.439	113.244	113.244	3.084
	4	1,5	184		903.783	0,00%	3,03%		13.805				13.805			
2026	5	2	181	632.648	1.536.431	0,00%	3,03%		23.086		31.632	15.816	70.534	94.002	94.002	2.560
	6	2,5	184		1.536.431	0,00%	3,03%		23.468				23.468			
2027	7	3	181	271.135	1.807.565	0,00%	3,03%		27.160		9.490	6.778	43.428	71.037	71.037	1.935
	8	3,5	184		1.807.565	0,00%	3,03%		27.610				27.610			
2028	9	4	182		1.807.565	0,00%	3,03%		27.310				27.310	54.919	54.919	1.496
	10	4,5	184		1.807.565	0,00%	3,03%		27.610				27.610			
2029	11	5	181		1.807.565	0,00%	3,03%		27.160				27.160	54.769	54.769	1.492
	12	5,5	184		1.807.565	0,00%	3,03%		27.610				27.610			
2030	13	6	181		1.807.565	0,00%	3,03%		27.160				27.160	54.769	54.769	1.492
	14	6,5	184		1.807.565	0,00%	3,03%		27.610				27.610			
2031	15	7	181		1.807.565	3,85%	3,03%	69.522	27.160				96.681	53.707	192.751	5.249
	16	7,5	184		1.738.044	3,85%	3,03%	69.522	26.548				96.070			
2032	17	8	182		1.668.522	3,85%	3,03%	69.522	25.209				94.731	49.633	188.676	5.138
	18	8,5	184		1.599.000	3,85%	3,03%	69.522	24.424				93.946			
2033	19	9	181		1.529.478	3,85%	3,03%	69.522	22.981				92.503	45.281	184.325	5.020

Năm	Kỳ trả nợ	Giai đoạn	Số ngày	Giải ngân	Dư nợ	Trả nợ gốc	Lãi suất	Trả nợ gốc	Trả lãi	Phí thẩm cứu	Phí cam kết	Phí quản lý cho vay lại	Tổng nợ phải trả	Tổng lãi phải trả theo năm	Tổng nợ phải trả theo năm	Quy đổi sang Triệu VND
	20	9,5	184		1.459.957	3,85%	3,03%	69.522	22.300				91.822			
2034	21	10	181		1.390.435	3,85%	3,03%	69.522	20.892				90.414	41.068	180.112	4.905
	22	10,5	184		1.320.913	3,85%	3,03%	69.522	20.176				89.698			
2035	23	11	181		1.251.391	3,85%	3,03%	69.522	18.803				88.324	36.855	175.899	4.790
	24	11,5	184		1.181.870	3,85%	3,03%	69.522	18.052				87.574			
2036	25	12	182		1.112.348	3,85%	3,03%	69.522	16.806				86.328	32.735	171.778	4.678
	26	12,5	184		1.042.826	3,85%	3,03%	69.522	15.929				85.450			
2037	27	13	181		973.304	3,85%	3,03%	69.522	14.624				84.146	28.429	167.473	4.561
	28	13,5	184		903.783	3,85%	3,03%	69.522	13.805				83.327			
2038	29	14	181		834.261	3,85%	3,03%	69.522	12.535				82.057	24.216	163.260	4.446
	30	14,5	184		764.739	3,85%	3,03%	69.522	11.681				81.203			
2039	31	15	181		695.217	3,85%	3,03%	69.522	10.446				79.968	20.003	159.047	4.331
	32	15,5	184		625.696	3,85%	3,03%	69.522	9.557				79.079			
2040	33	16	182		556.174	3,85%	3,03%	69.522	8.403				77.925	15.836	154.880	4.218
	34	16,5	184		486.652	3,85%	3,03%	69.522	7.433				76.955			
2041	35	17	181		417.130	3,85%	3,03%	69.522	6.268				75.789	11.577	150.621	4.102
	36	17,5	184		347.609	3,85%	3,03%	69.522	5.310				74.831			
2042	37	18	181		278.087	3,85%	3,03%	69.522	4.178				73.700	7.364	146.408	3.987
	38	18,5	184		208.565	3,85%	3,03%	69.522	3.186				72.707			
2043	39	19	182		139.043	3,85%	3,03%	69.522	2.101				71.622	3.163	142.206	3.873
	40	19,5	184		69.522	3,85%	3,03%	69.522	1.062				70.584			
TỔNG	Tổng			1.807.565		100%		1.807.565	663.034	72.303	167.652	45.189	2.755.743	948.177	2.755.743	75.050